

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST
Ngày: 18 – 01 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Ông Lê Trường Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm – là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2022/TLST- DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Bảo T, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Khóm C, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Khóm C, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị Bảo T trình bày:

Vào ngày 22/5/2021 chị Nguyễn Thị Kim C có thỏa thuận với chị Phạm Thị Bảo T mua 02 đầu hội với 45 người tham gia, hội mỗi tuần bìa một lần, sau đó chị C yêu cầu chị T nộp 21.540.000 đồng và thỏa thuận đến kỳ cuối cùng vào ngày 28/02/2022 âm lịch chị T sẽ được hốt hội 33.000.000 đồng. Chị T đồng ý và thực hiện theo thỏa thuận chuyển cho chị C số tiền 21.540.000 đồng vào ngày 22/5/2021 nhưng đến thời hạn cuối cùng của kỳ hốt hội là ngày 28/02/2022 âm lịch chị C không giao bất kỳ khoản tiền hội nào cho chị T.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu Toà án buộc chị Nguyễn Thị Kim C có trách nhiệm trả cho chị T số tiền 21.540.000 đồng và tính lãi suất 20%/năm, kể từ ngày 22/5/2021 cho đến ngày xét xử.

* Bị đơn, chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Chị C và chị T có mối quan hệ họ hàng, vào năm 2021 chị T có tham gia 01 dây hụi 500.000 đồng/ 15 ngày một lần do chị C làm chủ hụi. Đến tháng 4/2021, chị T hỏi chị C về việc mua lại 02 dây hụi 300.000 đồng/ 7 ngày bia một lần để lấy tiền lãi hụi 300.000 đồng đóng cho đầu hụi 500.000 đồng. Chị C thừa nhận hiện còn nợ chị T 21.540.000 đồng như lời trình bày trên của chị T.

Do chị C làm nghề chăn nuôi cá giống nhiều năm nay, thời gian hơn 02 năm qua do tình hình dịch bệnh kéo dài, việc đầu tư nuôi cá không ổn định, thức ăn chăn nuôi bị tăng giá và đầu ra nuôi cá không ổn định, thiếu vốn để mua thức ăn nuôi cá nên hiệu quả kinh doanh chăn nuôi không đạt dẫn đến thua lỗ kéo dài. Nay chị C cam kết trả nợ hụi cho chị T bằng hình thức trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền lãi phát sinh xin khỏi phải trả.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị T không đồng ý yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ hụi còn lại là 21.540.000 đồng. Yêu cầu chị C trả ngay một lần số nợ hụi 21.540.000 đồng và lãi suất 20%/năm, kể từ ngày 22/5/2021 cho đến ngày xét xử vụ án đối với số nợ hụi trên. Đồng thời chị T không yêu cầu giao nộp thêm tài liệu chứng cứ; chị C vẫn giữ ý lời trình bày trên.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi được xác lập giữa các bên. Các bên thực hiện góp hụi (hình thức mua hụi) không xác lập hợp đồng mà thỏa thuận qua lời nói được thể hiện sự thừa nhận của các bên đương sự.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Chị C thừa nhận còn nợ lại chị T số tiền nợ hụi là 21.540.000 đồng như lời trình bày trên của chị T; chị C có yêu cầu chị T cho trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ hụi trên và xin khỏi phải trả lãi phát sinh nhưng không được chị T đồng ý về phương thức thanh toán.

Do đó, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ các Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 16, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc chị C có trách nhiệm trả số tiền nợ hui là 21.540.000 đồng và tiền lãi phát sinh đối với số nợ hui 21.540.000 đồng kể từ ngày 22/5/2021 đến ngày xét xử với mức lãi suất 20%/năm cho chị T.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng góp hui, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C, nơi cư trú: Khóm C, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đương sự đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và pháp luật áp dụng để giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng góp hui.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch dân sự về hợp đồng góp hui thời hạn kết thúc đây hui vào ngày 28/02/2022. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 nên vụ án vẫn còn thời hiệu.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của các đương sự. Xác định vụ án tranh chấp hợp đồng góp hui được xác lập giữa các bên. Các bên không thực hiện xác lập hợp đồng mà thỏa thuận bằng lời nói, trên cơ sở tự nguyện và thừa nhận nợ với nhau, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị T yêu cầu chị C có trách nhiệm trả cho chị T nợ hui còn lại là 21.540.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật đối nợ hui 21.540.000 đồng từ khi chị C chưa trả lãi vay phát sinh cho đến ngày xét xử.

Từ những kết quả trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu, đề nghị của chị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Xét ý kiến của bị đơn, chị C thừa nhận có tham gia góp hụi (mua hụi) với chị T và còn nợ lại chị T số tiền là 21.540.000 đồng từ ngày 22/5/2021 và nợ lãi phát sinh đến nay.

[2.3] Xét về phương thức thanh toán: Bị đơn chị C có yêu cầu trả cho chị T mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ 21.540.000 đồng và khởi phải trả lãi phát sinh nhưng không được sự đồng ý của chị T và chị T có yêu cầu chị C trả ngay một lần dứt số nợ hụi 21.540.000 đồng và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 22/5/2021 đến ngày xét xử (18 tháng 01 năm 2023). Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của chị C không được chị T chấp nhận nên yêu cầu xin trả dần của chị C không có cơ sở xem xét.

Về tiền lãi phát sinh: (từ ngày 22/5/2021 đến ngày 18/01/2023) = 597 ngày;

Tiền lãi: $[21.540.000 \text{ đồng} \times (597 \text{ ngày} \times 1,67\%):30 \text{ ngày}] = 7.158.000$ đồng; Tổng cộng vốn và lãi: 21.540.000 đồng + 7.158.000 đồng = 28.698.000 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị C có trách nhiệm trả cho chị T số tiền nợ hụi còn lại là 21.540.000 đồng và tiền lãi 7.158.000 đồng, tổng cộng: 28.698.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận: Chị Phạm Thị Bảo T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 538.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $(28.698.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 1.434.900$ đồng.

[4] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các điều 144, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Bảo T: Buộc chị Nguyễn Thị Kim C có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thị Bảo T số tiền: 28.698.000 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim C chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.434.900 (một triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm) đồng. Hoàn lại cho chị Phạm Thị Bảo T số tiền 538.000 (năm trăm ba mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006265 ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dầm